

Số: 100 /2022/NQ-HĐKĐCLGD

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Trường Đại học Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CEA.UD ngày 21/12/2015 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-CEA.UD ngày 20/4/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài, những vấn đề cần tập trung thảo luận do Phòng Nghiệp vụ chuẩn bị và các tài liệu liên quan đến cơ sở giáo dục Trường Đại học Kiên Giang;*

*Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kiên Giang tại Phiên họp thứ 14 ngày 25/6/2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục,*

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kiên Giang của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kiên Giang theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kiên Giang cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (Chi tiết kèm theo ở Phụ lục 1).



2. Kiến nghị Trường Đại học Kiên Giang thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (Chi tiết kèm theo ở Phụ lục 2).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Kiên Giang theo quy định hiện hành. *ql*

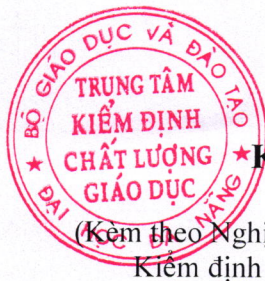
**TM. HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**CHỦ TỊCH**



**PGS.TS. Nguyễn Quang Giao**





## PHỤ LỤC 1

### KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 100 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng  
Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHĐN)

ST T	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược</b>	<b>3,92</b>
1	Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4,00
2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị	4,00
3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	4,00
4	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	3,50
5	Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	4,00
6	Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	3,86
7	Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	4,00
8	Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4,00
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống</b>	<b>3,95</b>
9	Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	4,00
10	Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	4,00
11	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	4,00
12	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	3,80
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện các chức năng</b>	<b>3,88</b>
13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	4,00
14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	3,60
15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	3,80
16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	3,75
17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4,00
18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	4,00
19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	3,75
20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	4,00
21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	4,00
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động</b>	<b>3,81</b>
22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	3,75
23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	3,50
24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	4,00
25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	4,00

**PHỤ LỤC 2**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**

(Kèm theo Nghị quyết số **100** /NQ-HĐKĐCLGD ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHDN)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020 cho thấy Trường Đại học Kiên Giang có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) về chiến lược: Nhà trường xây dựng, điều chỉnh, cải tiến sứ mạng (SM), tầm nhìn (TN), giá trị cốt lõi (GTCL) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực, định hướng phát triển của Trường và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, của tỉnh Kiên Giang và của cả nước. Hệ thống quản trị của Nhà trường được thành lập theo quy định của pháp luật và đã ban hành hệ thống văn bản thể hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động. Các đơn vị, bộ phận của Nhà trường được thành lập dựa trên các quy định của pháp luật và có điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh cụ thể của Trường. Nhà trường xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, ngắn hạn với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính rõ ràng, cụ thể và đo lường được. Các chính sách đào tạo (ĐT), nghiên cứu khoa học (NCKH), phục vụ cộng đồng (PVCĐ) được Nhà trường quan tâm triển khai và góp phần cải tiến chất lượng hoạt động của Trường. Nhà trường chú trọng triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế, ban hành và áp dụng các chế độ, chính sách khuyến khích tạo điều kiện phát triển, mở rộng mạng lưới quan hệ đối ngoại của Trường.

2. Về ĐBCL về hệ thống: Hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường có cấu trúc chặt chẽ với sự phân công trách nhiệm rõ ràng. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL chi tiết và đầy đủ, bao gồm phát triển hệ thống, xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển nhân sự,... theo từng giai đoạn cụ thể. Cơ sở dữ liệu về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được Nhà trường quản lý tập trung và phân quyền sử dụng cho các đơn vị chức năng, bảo đảm tính hệ thống và cập nhật thông tin.

3. Về ĐBCL về thực hiện chức năng: Phương thức tuyển sinh của Nhà trường linh hoạt, đa dạng và được triển khai thực hiện, giám sát nghiêm túc, theo đúng quy chế tuyển sinh hiện hành. Nội dung chương trình đào tạo (CTĐT), các hoạt động dạy và học được thiết kế thể hiện được triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường. Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể và được triển khai thực hiện nghiêm túc. Nhà trường triển khai hiệu quả việc giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, tư vấn, hỗ trợ và các dịch vụ tiện ích cho người học. Hoạt động kết nối với của Nhà trường với doanh nghiệp trong đào tạo được triển khai hiệu quả.



4. Về Kết quả hoạt động: Tỷ lệ người học có việc làm và việc làm phù hợp chiếm tỷ lệ khá cao. Các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ giảng viên (GV) phải thực hiện được Nhà trường xác định đầy đủ, phù hợp với định hướng phát triển của Trường. Hoạt động kết nối, PVCĐ của Nhà trường được triển khai thực hiện khá đa dạng, giúp nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, GV, người học đối với xã hội và góp phần cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các chỉ tiêu tài chính và chỉ số thị trường của Nhà trường được xác lập hướng tới đạt mục tiêu phát triển của Trường; thu nhập của cán bộ, GV hằng năm được đảm bảo.

Tuy nhiên, Trường Đại học Kiên Giang còn những điểm tồn tại cần khắc phục. Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp sau đây:

1. Tăng cường số lượng các bên liên quan bên ngoài Trường được thu thập ý kiến về SM, TN, GTCL; định kỳ thực hiện báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện của các đơn vị thuộc Trường về việc xây dựng và triển khai các hoạt động theo SM, TN và GTCL đã được xác định.

2. Sớm ban hành và triển khai Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường do Hội đồng Trường ban hành; đảm bảo triển khai điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Nhà trường theo kế hoạch và lộ trình cụ thể, phù hợp, đúng quy định.

3. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà trường; xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo cán bộ phù hợp với Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt.

4. Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết xây dựng các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn của Trường và các đơn vị trực thuộc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được phân công; tăng cường rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hằng năm, giữa giai đoạn để đảm bảo thực hiện thành công kế hoạch chiến lược của Nhà trường.

5. Tăng cường số lượng các bên liên quan bên ngoài Trường được thu thập ý kiến về các chính sách của Nhà trường; chú trọng ban hành các chính sách về NCKH nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của GV và người học.

6. Xác định các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính cho từng đơn vị trực thuộc với sự phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể; sớm kiện toàn vị trí trưởng khoa, trưởng bộ môn đúng theo quy định; tăng cường các chính sách thu hút nhân tài và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nguồn nhân lực hiện có của Trường.

7. Xây dựng kế hoạch tự chủ về tài chính đáp ứng các yêu cầu về thu, chi cho ĐT, NCKH và PVCĐ; chú trọng tăng cường nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ; tăng kinh phí cho việc cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu trực tuyến của Trung tâm Thông tin và Thư viện.

VÀ  
G TÀ  
ĐỊN  
LƯỢ  
DỰ  
ĐÀ

8. Xác định các đối tác chiến lược để ưu tiên phát triển hợp tác nhằm đạt được mục tiêu chiến lược của Trường; đẩy mạnh việc tìm kiếm, mời các chuyên gia và các nhà khoa học nước ngoài đến hợp tác giảng dạy, nghiên cứu tại Trường; xây dựng chương trình dài hạn trao đổi GV giữa Trường và các đối tác nước ngoài.

9. Ban hành và áp dụng các chính sách ưu tiên về ĐBCL; tiếp tục hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong với việc chú trọng nâng cao năng lực của Hội đồng ĐBCL và đội ngũ chuyên trách làm công tác ĐBCL của Trường.

10. Đẩy mạnh triển khai công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài các CTĐT của Trường; tăng cường công tác đánh giá nội bộ nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường.

11. Xây dựng bộ công cụ giám sát, đánh giá việc cải tiến chất lượng sau khi tiếp nhận thông tin phản hồi của các bên liên quan; tích hợp việc rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL vào kế hoạch ĐBCL hằng năm của Nhà trường để đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả.

12. Tăng cường sử dụng kết quả khảo sát của các bên liên quan để xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng của Trường một cách liên tục; tiếp tục rà soát, điều chỉnh Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Trường với việc tăng cường tham khảo quy định của các cơ sở giáo dục, CTĐT đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng quốc gia hoặc quốc tế và các bảng xếp hạng quốc tế.

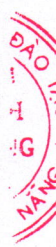
13. Xây dựng đầy đủ, rõ ràng các tiêu chí tuyển sinh phù hợp cho từng CTĐT; có các chính sách tuyển sinh nhằm thu hút thí sinh khá, giỏi đăng ký xét tuyển vào học các CTĐT của Trường; tiếp tục rà soát, bổ sung, cải tiến công tác nhập học để cải thiện tỉ lệ người học nhập học hằng năm.

14. Đa dạng hóa các hình thức và mở rộng đối tượng khảo sát các bên liên quan về CTĐT; rà soát, bổ sung chuẩn đầu ra trong tất cả đề cương học phần của các CTĐT; tăng cường tham khảo các CTĐT tương ứng của các trường đại học trong nước và quốc tế để phục vụ việc rà soát, bổ sung và cập nhật CTĐT.

15. Tăng cường các chính sách thu hút đội ngũ GV có kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao về công tác tại Trường; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến triết lý giáo dục của Nhà trường đến các bên liên quan.

16. Đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi đối với tất cả các học phần trong CTĐT; rà soát, bổ sung các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt chuẩn đầu ra trong tất cả đề cương học phần của các CTĐT.

17. Tăng cường trang bị các kỹ năng mềm cho người học nhằm nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm; chú trọng mở rộng quan hệ hợp tác với địa phương, với các doanh nghiệp, với các cơ sở giáo dục đại học ở trong và ngoài nước, với cựu người học để nâng cao hiệu quả của các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Nhà trường.



18. Bố trí, sắp xếp ổn định nhân sự chuyên trách quản lý hoạt động NCKH của Trường; tăng cường triển khai hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh; mở rộng đối tượng khảo sát là các bên liên quan ngoài về hoạt động NCKH của Nhà trường.

19. Ban hành và áp dụng các biện pháp khuyến khích cán bộ, GV đăng ký bảo hộ các tài sản trí tuệ đối với các công trình NCKH đã thực hiện; tăng cường mức kinh phí hỗ trợ cán bộ, GV, người học đăng ký sở hữu trí tuệ; mở rộng đối tượng khảo sát là các bên liên quan ngoài về công tác quản lý tài sản trí tuệ Nhà trường.

20. Phân công trách nhiệm cụ thể cho bộ phận chuyên trách theo dõi, giám sát kết quả phát triển, hợp tác giữa Nhà trường với doanh nghiệp; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác của Trường.

21. Rà soát, điều chỉnh, ban hành kế hoạch cải tiến các hoạt động kết nối và PVCĐ với các chỉ số, chỉ báo cụ thể về ĐT, NCKH và PVCĐ; bổ sung nội dung kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và PVCĐ vào kế hoạch kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ của Trường.

22. Triển khai cải tiến các CTĐT đồng bộ và đồng đều giữa các ngành đào tạo; sớm xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tỉ lệ có việc làm của người học sau tốt nghiệp và thực hiện khảo sát có hệ thống về việc làm của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT; thực hiện báo cáo phân tích cụ thể mức độ hài lòng của về chất lượng của người học tốt nghiệp.

23. Áp dụng các chính sách động viên, khuyến khích nhằm tăng số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của GV, người học; đẩy mạnh hoạt động của các câu lạc bộ khởi nghiệp; triển khai đối sánh loại hình, số lượng công trình và chất lượng NCKH của Trường với các cơ sở giáo dục đại học khác ở trong nước và quốc tế.

24. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và PVCĐ; chú trọng thực hiện báo cáo phân tích cụ thể đánh giá tác động xã hội, tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với cán bộ, GV, người học; tăng cường kinh phí cho hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường.

25. Thực hiện cải tiến kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động NCKH; mở rộng lĩnh vực đối sánh và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học trong nước về kết quả và các chỉ số thị trường.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng theo quy định.